TÒA ÁN NHÂN DÂN **HỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DSST
Ngày 14/02/2020
V/v: "Tranh chấp HĐ vay TS"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Loan
2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ngô Thanh Thuần
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa*:

Ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2019/TLST-DS ngày 15/10/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2019/QĐXXST-DS ngày 27/12/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Anh Ngô Quang H, sinh năm 1977 (có mặt)
- Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979 (đề nghị xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Lý Viên, xã Bắc Lý, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (vắng mặt)
Chị Ngô Thị N, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Bà Ngô Thị L, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Xuân Biều, xã Xuân Cẩm, Hện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/8/2019 và các Bản tự khai ngày 15/10/2019, nguyên đơn là vợ chồng anh Ngô Quang H – chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Thông qua người quen của vợ chồng anh chị, từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2018, vợ chồng anh M - chị N và bà L (mẹ đẻ của anh M) đã vay tiền của vợ chồng anh chị nhiều lần để mở xưởng mộc và buôn gỗ, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 27/8/2017 (âm lịch), anh M vay số tiền 130.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày;

- Lần thứ 2: Trong ngày 30/11/2017, vợ chồng anh M – chị N và bà L vay tiền của vợ chồng anh 2 lần với tổng công 500.000.000đ, thời gian vay chậm nhất là đến ngày 03/3/2018;

- Lần thứ 3: Ngày 04/02/2018 (âm lịch), anh M vay số tiền 100.000.000đ, thời gian vay đến ngày 19/02/2018 âm lịch;

- Lần thứ 4: ngày 20/3/2018, anh M vay tiếp số tiền 50.000.000đ, thời gian vay 1 tháng.

Tổng cộng số tiền mà vợ chồng anh M – chị N và bà L đã vay của vợ chồng anh chị là 780.000.000đ. Các lần vay hai bên đều thỏa thuận với nhau lãi suất là 2%/tháng, đều viết giấy biên nhận vay tiền và đều có chữ ký của bên vay. Tuy nhiên, quá thời hạn trả tiền và cho đến nay, mặc dù vợ chồng anh chị đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh M – chị N và bà L nại ra nhiều lý do không chịu trả tiền cho vợ chồng anh chị. Vì vậy, nay vợ chồng anh chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh M – chị N và bà L phải liên đới trả nợ cho vợ chồng anh chị số tiền gốc đã vay là 780.000.000đ và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn là vợ chồng anh Nguyễn Văn M – chị Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị L, các bị đơn thường xuyên đi làm ăn xa vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng anh M, chị N và bà L không đến Tòa án làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Ngô Quang H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu vợ chồng anh M, chị N liên đới trả khoản vay gốc là 780.000.000đ, anh tự nguyện không yêu cầu bà L pM liên đới trả đối với khoản nợ nêu trên, đồng thời không yêu cầu lãi suất chậm trả từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn có nội dung nhất trí với ý kiến của anh H tại phiên tòa. Bị đơn là anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị L đều vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Hiệp Hoà tham gia phiên Toà nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Toà án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có thức chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 275, 288, 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 18, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

- Chấp nhận cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn M - chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh Ngô Quang H – chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 780.000.000đ (bảy trăm tám mươ triệu đồng).

- Về án phí: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn M - chị Nguyễn Thị N phải liên đới chịu án phí theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Ngô Quang H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị N và bà Ngô Thị L vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lần thứ 2; đồng bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị N, bà Ngô Thị L và chị Nguyễn Thị Kim T.

[2]. Đối với yêu cầu của vợ chồng anh Ngô Quang H – chị Nguyễn Thị Kim T về việc đòi vợ chồng anh Nguyễn Văn M - chị Nguyễn Thị N trả số nợ gốc đã vay là 780.000.000đ: Do phía bị đơn không đến Tòa án làm việc, cũng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để giải quyết, xét xử vụ án. Căn cứ đơn khởi kiện, các bản tự khai và các tài liệu chứng cứ nộp kèm theo là bản gốc các giấy biên nhận vay tiền mà phía nguyên đơn đưa ra, có cơ sở để xác định: từ tháng 8/2017 đến tháng 3/2018, vợ chồng anh M - chị N đã vay tiền của vợ chồng anh H - chị T nhiều lần với tổng cộng số tiền 780.000.000đ mục đích để mở xưởng mộc và buôn gỗ, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 27/8/2017 (âm lịch), anh M ký vay số tiền 130.000.000đ, thời hạn vay 15 ngày;

- Lần thứ 2: Trong ngày 30/11/2017, vợ chồng anh M chị N cùng ký vay tiền 2 lần với tổng cộng 500.000.000đ, ký 2 biên nhận vay khác nhau (1 biên nhận vay 200.000.000đ ghi thời hạn trả 30/02/2018 và 1 biên nhận vay 300.000.000đ ghi thời hạn trả 03/3/2018);

- Lần thứ 3: Ngày 04/02/2018 (âm lịch), anh M ký vay số tiền 100.000.000đ, thời gian vay đến ngày 19/02/2018 âm lịch;

- Lần thứ 4: ngày 20/3/2018, anh M vay tiếp số tiền 50.000.000đ, thời gian vay 1 tháng. Lần vay này bà L (mẹ đẻ anh M) có ký bên dưới mục "Người bảo lãnh".

Ngoài các biên nhận vay tiền nêu trên, tại mặt sau Giấy biên nhận vay tiền ngày 30/11/2017 âm lịch (khoản vay 200.000.000đ), bà Ngô Thị L có viết giấy nhận bảo lãnh cho anh M khoản nợ 500.000.000đ (bà L viết vào ngày 24/4/2018, hẹn 15 ngày trả 200.000.000đ, còn khoản 300.000.000đ hẹn trả sau 30 ngày).

Tuy nhiên, cho đến nay, mặc dù đã quá thời hạn trả nợ, phía vợ chồng anh H đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh M-chị N chưa trả, bà L cũng không thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh như đã cam kết với vợ chồng anh H. Việc vợ chồng anh M – chị N không trả nợ cho vợ chồng anh H-chị T khi đến hạn theo

thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, việc bà L không thực hiện nghĩa vụ của người bảo lãnh khi người được bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ của người bảo lãnh. Đây chính là căn cứ phát sinh nghĩa vụ dân sự của vợ chồng anh M – chị N, bà L đối với vợ chồng anh H. Một số lần vay do cả anh M và chị N thực hiện, 1 số lần do 1 mình anh M thực hiện nhưng mục đích vay để kinh doanh xưởng mộc, phát triển kinh tế gia đình nên vợ chồng anh M – chị N pM liên đới trả nợ. Đối với bà L, tuy không tham gia vay tiền nhưng đã đứng ra bảo lãnh cho anh M với số tiền 500.000.000đ mà vợ chồng anh M vay của vợ chồng anh H, nay vợ chồng anh M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, lẽ ra bà L phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng anh H về khoản tiền đã nhận bảo lãnh. Tuy nhiên, do tại phiên tòa anh H thay đổi yêu cầu, không yêu cầu bà L trả nợ, mặt khác xét thấy việc bảo lãnh khoản tiền 500.000.000đ phát sinh sau thời điểm vợ chồng anh M vay tiền nên việc thay đổi yêu cầu của anh H được chấp nhận. Cụ thể là, cần áp dụng Điều 275, 288, 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc vợ chồng anh M-chị N phải liên đới trả cho cho vợ chồng anh H số tiền 780.000.000đ.

Về lãi suất: Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể là không yêu cầu tiền lãi suất kể từ thời điểm vay cho đến ngày xét xử. Xét thấy việc thay đổi này là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó, vợ chồng anh M-chị N không phải chịu lãi suất của toàn bộ số tiền đã vay, bảo lãnh kể từ thời điểm vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là vợ chồng anh M – chị N phải liên đới nộp án phí theo quy định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho anh Ngô Quang H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 147, 227, 228, 244 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 275, 288, 463; 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Ngô Quang H và chị Nguyễn Thị Kim T: Buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn M – chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng anh Ngô Quang H – chị Nguyễn Thị Kim T số tiền 780.000.000đ (bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Án phí: Vợ chồng anh Nguyễn Văn M – chị Nguyễn Thị N phải liên đới nộp 35.200.000đ (ba mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho anh Ngô Quang H số iền 17.600.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000142 ngày 15/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Hện Hiệp Hòa.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND tỉnh Bắc Giang*
- *VKSND Hện Hiệp Hoà*
- *Chi cục THA DS Hiệp Hoà*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Mạnh hà